TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PY** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2024.
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PY, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà*: Bà Hà Thị Thu Thủy.

- *Các hội thẩm nhân dân*:

1.Ông Nguyễn Hồng Hải.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Cao Văn Chiến-Thư ký Toà án nhân dân thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PY tham gia phiên tòa*: Ông Hoàng Đức Dũng

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên, xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 512024/TLST-HN&GĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về "*Ly hôn, nuôi con chung"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 12/2024 ngày 26/6/2024 giữa:

- **Nguyên đơn**: Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1998.
Địa chỉ: Tổ dân phố TL, phường TH, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.
- **Bị đơn:** Chị Lê Thị C, sinh năm 1997.
Địa chỉ: Tổ dân phố KT, phường TT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.
(Anh S có mặt, chị C vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn anh Nguyễn Thanh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị C bắt đầu tìm hiểu với nhau từ năm 2021 sau đó anh chị đã chung sống như vợ chồng với nhau rồi chị C có thai và được gia đình hai bên cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương nhưng do lúc đó chị C chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên anh chị chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và cách sống nên chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, đến ngày 20/12/2022 chị C sinh con. Nhưng do lúc đó anh chị chưa đi đăng ký kết hôn, rồi chị C đi khai sinh con đã không khai phần người cha. Sau đó anh đã đến đón chị về và đến ngày 03/8/2023 anh và chị C đã tự nguyện đến Uỷ ban nhân dân phường TH đăng ký kết hôn. Khi quay về

chung sống cùng nhau thì đến tháng 9 năm 2023 anh chị lại tiếp tục mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và cách sống, một phần cũng do kinh tế khó khăn vì anh chị cùng nhau mở quán hoa quả sạch nhưng kinh doanh thua lỗ, anh nói thì chị không nghe vì thế mà vợ chồng đã thường xuyên cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng và không có hạnh phúc sau đó thì anh chị không chung sống cùng nhau nữa, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay anh S xác định không còn tình cảm với chị C nữa nên kiên quyết xin ly hôn với chị C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có một con chung là: Lê Nguyễn Kiều T, sinh ngày 20/12/2022. Nay ly hôn anh S có nguyện vọng để cho chị C được tiếp tục nuôi con và anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị 2.000.000đồng (hai triệu đồng)/ tháng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung đều không có.

Bị đơn chị Lê Thị C vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do.

Biên bản xác minh của Tòa án với gia đình chị C xác định: Chị C và anh S tự nguyện kết hôn với nhau từ tháng 8 năm 2023. Sau khi kết hôn chị C về nhà anh S làm dâu, hai vợ chồng cùng buôn bán tại tổ dân phố Thanh Xuyên, phường Trung Thành, thành phố PY. Trước khi đăng ký kết hôn anh chị đã chung sống với nhau như vợ chồng và có một con chung. Vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời gian ngắn sau đó mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn cụ thể như thế nào gia đình không nắm được. Trong quá trình chung sống anh chị có một con chung là Lê Nguyễn Kiều T, sinh năm 2022. Hiện nay cháu T đang ở với chị C. Nay anh S xin ly hôn với chị C quyết định như thế nào là do anh chị. Chị C sáng đi bán hàng tối về ở với gia đình.

Biên bản xác minh của Toà án với Công an phường Trung Thành xác định: Sau khi tra cứu trên hệ thống dân cư quốc gia xác định được chị Lê Thị C, sinh năm 1997 hiện có khẩu tại tổ dân phố KT, phường TT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên. Chị C không đăng ký tạm trú, tạm vắng hay cắt khẩu chuyển đến ở đâu khác.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PY phát biểu về: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 26,35,39,68,96,97,195, 203, 205,207,208,209,210 và Điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các 51,56, 81, 82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh S, cho anh Nguyễn Thanh S được ly hôn với chị Lê Thị C.

Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Kiều T, sinh ngày 20/12/2022 cho chị Lê Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị C 2.000.000đồng (hai triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Nguyên đơn xác định không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn anh S phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Thụ lý đơn khởi kiện: Ngày 18 tháng 3 năm 2024 anh S có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án. Ngày 19/3/2024 Toà án ra Thông báo nộp tạm ứng án phí, cùng ngày Tòa án thụ lý vụ án, đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 191của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và sự vắng mặt của các đương sự: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, nuôi con chung" giữa nguyên đơn anh Nguyễn Thanh S và bị đơn chị Lê Thị C, chị C hiện cư và sinh sống tại: Tổ dân Kim Tỉnh, phường Trung Thành, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

Tại phiên toà lần thứ hai, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh S có mặt. Bị đơn chih Lê Thị C vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tại phiên toà anh S và đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Xét thấy chị C đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên toà lần thứ hai chị C vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị C là đúng quy định của pháp luật và cũng để bảo vệ quyền lợi cho anh S.

[3]. Về việc không tiến hành hoà giải được: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã có Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và đã tống đạt hợp lệ cho chị C, chị C không đến làm việc, anh S đã có đơn yêu cầu Toà án không tiến hành hoà giải giữa anh và chị C, đề nghị đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Xét việc anh S không yêu cầu Toà án tiến hành hoà giải là quyền của anh S và cũng phù hợp với quy định, do đó Toà án không tiến hành việc hoà giải giữa anh S và chị C là phù hợp với khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PY tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành một số biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung vụ án:

[5.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh S và chị Lê Thị C kết hôn với nhau từ tháng 8/2023, có đăng ký kết hôn tự nguyện tại Uỷ ban nhân

nhân dân phường TH vào ngày 03/8/2023 (số đăng ký kết hôn 31) là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án anh S xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không còn khả năng hàn gắn được nữa nên có nguyện vọng kiên quyết xin được ly hôn chị C.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh S thấy: Theo anh S trình bày thì quá trình chung sống vợ chồng chỉ hoà thuận được một thời gian ngắn, chị C đã hai lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở đến tháng 9 năm 2023 thì mẫu thuẫn là do vợ chồng trở nên trầm trọng hơn do bất đồng về quan điểm và cách sống, bên cạnh đó còn mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, chính vì thế mà cuộc sống vợ chồng căng thẳng và không có hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 09/2023 cho đến nay. Nay anh S xác định không còn tình cảm với chị C nữa nên kiên quyết đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với chị C.

Phía chị C quá trình giải quyết vụ án Toà án đã trực tiếp đến nơi chị C sinh sống và bán hàng, giao thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà, nhưng chị C đều từ chối không nhận và Toà án đã phải giao các văn bản tố tụng cho bố, mẹ đẻ của chị C nhận và cam đoan sẽ giao tận tay cho chị C. Trong quá trình làm việc Thẩm phán cũng trực tiếp gọi điện thông báo với chị C về việc thụ lý vụ án cũng như báo chị C đến để làm việc. Chị C đã nghe máy và hẹn đến nhưng sau đó không thực hiện đến Toà để trình bày quan điểm về việc anh S xin ly hôn với chị. Như vậy thể hiện việc chị C không tôn trọng pháp luật cũng như không tôn trọng chính hôn nhân của anh chị, cố tình gây khó khăn làm cho vụ án bị kéo dài, ảnh hưởng đến quyền lợi của anh S.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét thấy có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa anh S và chị C đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình:*"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ chung sống với nhau…"*. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà cho thấy thái độ cương quyết ly hôn của chị Lan đối với anh Thế và anh khẳng định không còn tình cảm gì với anh Thế.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Toà án không thành thì Toà án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được"*. Do quá trình giải quyết vụ án anh S không yêu cầu Toà án tiến hành hoà giải và đề nghị đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh S, cho anh S được ly hôn với chị C là phù hợp theo quy định tại Điều 19, Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5.2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có một con chung là: Lê Nguyễn Kiều T, sinh ngày 20/12/2022. Hiện nay con đang ở với chị C. Nay ly hôn anh S có nguyện vọng do con còn nhỏ, cần sự chăm sóc của

mẹ nên anh đề nghị để chị C trực tiếp nuôi con và anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị 2.000.000đồng (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Xét thấy hiện nay con của anh chị còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ, qua xác minh thấy hiện chị C đang kinh doanh hàng hoa quả sạch tại phường TT. Do vậy cần giao con chung của anh chị cho chị C trực tiếp chăm sóc là phù hợp quy định tại các Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5.3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị C 2.000.000đồng (hai triệu đồng)/tháng là ý chí tự nguyện của anh S và phù hợp với quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024) của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối Cao, nên cần chấp nhận việc cấp dưỡng nuôi con chung của anh S đối với chị C và cũng để đảm bảo quyền lợi của con.

[5.3].Về tài sản chung; về nợ chung, các khoản cho vay chung: Anh S xác định trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có, nên không đặt ra việc giải quyết.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn anh S phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con để nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7].Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8]. Về quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PY tại phiên toà là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 266 Điều 271, 273, 486 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19,51,56, 81,82,83, 110 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh S đối với chị Lê Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Thanh S được ly hôn với chị Lê Thị C.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là: Lê Nguyễn Kiều T, sinh ngày 20/12/2022 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ trực tiếp nuôi con và các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh S tự nguyện và có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị C 2.000.000đồng (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2024.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Nếu anh S chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị C, chị C có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng anh S phải chịu lãi xuất chậm trả theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

4. Về tài sản chung, nợ chung,các khoản cho vay chung: Không có.

5. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh S phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0001549 ngày 19/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con để nộp ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh S báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bán. Bị đơn chị C vắng mặt báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các Đương sự*
- *TAND tỉnh Thái Nguyên;*
- *VKSND thành phố PY;*
- *THADS thành phố PY;*
- *Cổng thông tin điện tử TANDTC;*
- *UBND phường TH;*
- *Lưu VP, hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ TÊN)

Hà Thị Thu Thuỷ